

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN QUAN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02-7-2021

V/v xin ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung, vay nợ chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Mỹ Phước

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Tuyết

Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lục Quỳnh Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 06/2021/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 về việc: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, vay nợ chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa (lần 2) số 06/2021/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Triệu Thị T, sinh năm 1989. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đỗ Mạnh T1, sinh năm 1988. Trú tại: Thôn B, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Tuấn N - Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 3 năm 2021, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 16/6/2021 nguyên đơn chị Triệu Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Mạnh T1 trước khi kết hôn có quen biết và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới trên cơ sở tự nguyện của hai người từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Sau ngày cưới tình cảm vợ chồng bình thường, trong thời gian sống chung sau này, tình cảm vợ chồng không hợp nhau, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, chửi bới nhiều lần. Từ năm 2014 chị đi công ty khi con mới được 2 tuổi chị vẫn thường xuyên về nhà thăm con và gia đình, sau một thời gian chị về ít hơn, nguyên nhân là do anh Đỗ Mạnh T1 không giúp xây dựng gia đình, không cùng quan điểm dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, những năm gần đây mâu thuẫn ngày càng không thể hàn gắn lại được. Hai vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay, thỉnh thoảng chị về thăm con nhưng vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Do hiện nay chị Triệu Thị T đang đi làm Công ty SAMSUNG và cư trú tại vùng phong tỏa do dịch bệnh Covid-19 của tỉnh Bắc Ninh nên không thể về tham gia phiên tòa xét xử vụ án được, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Mạnh T1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên là Đỗ Ngọc B, sinh ngày 21/08/2012, hiện nay do anh Đỗ Mạnh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu anh Đỗ Mạnh T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con. Về cấp dưỡng nuôi con, trong quá trình giải quyết vụ án chị Triệu Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho anh Đỗ Mạnh T1 mỗi tháng là 1.000.000 đồng, tại Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 16/6/2021 chị tự nguyện có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mức 1.500.000 đồng/1 tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về vay nợ chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có vay số tiền 62.000.000 đồng tại Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V từ tháng 6/2017. Số tiền này chị đã đưa tiền cho anh Đỗ Mạnh T1 trả xong từ năm 2020, nên khi viết đơn ly hôn chị không biết còn khoản nợ này, do vậy nay chị yêu cầu anh Đỗ Mạnh T1 sẽ có trách nhiệm trả số tiền gốc và lãi nêu trên.

Bị đơn anh Đỗ Mạnh T1 trình bày tại bản tự khai ngày 10/3/2021 và **tại phiên hòa giải**: Anh và chị Triệu Thị T có được tìm hiểu và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V. Sau ngày cưới tình cảm vợ chồng tôi luôn hòa thuận, hạnh phúc, anh luôn yêu thương vợ, con. Thời gian gần đây trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, chị Triệu Thị T đi làm công ty về nhà ít hơn. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên chị Triệu Thị T xin ly hôn anh không nhất trí, anh mong muốn chị Triệu Thị T quay về đoàn tụ gia đình cùng nuôi dạy con.

Về con chung: Anh Đỗ Mạnh T1 nhất trí với lời trình bày của chị Triệu Thị T. Trường hợp nếu phải ly hôn anh yêu cầu được nuôi con là Đỗ Ngọc B, sinh

ngày 21/08/2012, anh yêu cầu chị Triệu Thị T cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Hiện nay vợ chồng vẫn sống chung với bố, mẹ nên vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Năm 2017 anh Đỗ Mạnh T1 đứng tên vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V hai món: Khoản vay ưu đãi hộ nghèo là 50.000.000 đồng, mục đích là trồng hồi; vay kênh nước sạch vệ sinh môi trường là 12.000.000 đồng. Tổng cộng cả hai món vay tổng số tiền là 62.000.000 đồng chưa đến hạn trả. Nếu trong trường hợp phải ly hôn anh không yêu cầu chị Triệu Thị T trả số tiền trên, anh tự nguyện chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền 62.000.000 đồng khi đến hết thời hạn trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Tuấn N là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam trình bày: anh Đỗ Mạnh T1 và chị Triệu Thị T có vay vốn tại phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V gồm hai món vay, cụ thể: Vay theo chương trình hộ nghèo, mục đích trồng rừng hồi, theo mã món vay: 660000071041168, số tiền là 50.000.000 đồng, thời hạn cho vay 60 tháng, lãi suất 0,55%/tháng (6,6%/năm); vay theo chương trình nước sạch vệ sinh môi trường (xây bể nước, làm nhà vệ sinh), mã món vay: 6600000710394567, số tiền 12.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 0,75% (9%/năm), hạn trả nợ hai khoản nợ là ngày 06/6/2022. Tính đến 19/4/2021 tổng số tiền hộ gia đình anh Đỗ Mạnh T1 nợ 62.000.000 đồng tiền gốc, số tiền lãi 0 đồng. Đề nghị anh Đỗ Mạnh T1 và chị Triệu Thị T phải cùng có trách nhiệm trả hết nợ gốc và tiền lãi cho Ngân hàng đầy đủ.

Quá trình giải quyết vụ án, cháu Đỗ Ngọc B có nguyện vọng được ở với bố là anh Đỗ Mạnh T1.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ, và hòa giải, nhưng việc hòa giải không thành.

Tại phiên tòa nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập họp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ và tổng đạt các văn bản, quyết định đúng trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do là chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ khi tham gia tố tụng, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự theo luật định. Quá trình kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Triệu Thị T và anh Đỗ Mạnh T1 được ly hôn. Về con chung, đề nghị giao cháu Đỗ Ngọc B, sinh ngày 21/08/2012 cho anh Đỗ Mạnh T1 chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Chị Triệu Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Đỗ Mạnh T1 1.500.000 đồng/1 tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về vay nợ chung, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên hòa giải anh Đỗ Mạnh T1 chấp nhận trả số tiền gốc 62.000.000 đồng và lãi phát sinh cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V, đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Đỗ Mạnh T1 có trách nhiệm trả khoản nợ nêu trên. Về tài sản chung: Không đề cập xem xét. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cả hai lần vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thấy rằng chị Triệu Thị T và anh Đỗ Mạnh T1 trước khi kết hôn có quen biết nhau, tự nguyện kết hôn theo phong tục tập quán tại địa phương trên cơ sở tự nguyện của cả hai người, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, không có được tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay, quá trình giải quyết vụ án anh Đỗ Mạnh T1 cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn nhưng vẫn mong muốn được đoàn tụ. Do đó, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nay chị Triệu Thị T xin ly hôn là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[2] Đối với yêu cầu của anh Đỗ Mạnh T1 không nhất trí ly hôn, mong muốn đoàn tụ nhưng trong quá trình giải quyết vụ án không đưa ra được biện pháp thuyết phục chị Triệu Thị T quay về đoàn tụ. Hơn nữa ngày 08/4/2020 giữa hai người đã cùng ký vào đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, tại biên bản xác minh ngày 17/5/2021 bà Vy Thị Đ là mẹ anh Đỗ Mạnh T1 cũng xác nhận giữa chị Đỗ Thị Thảo và anh Đỗ Mạnh T1 có cãi nhau, như vậy có căn cứ xác định mối quan hệ hôn nhân giữa chị Triệu Thị T và anh Đỗ Mạnh T1 đã có mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hòa hợp được nữa, do vậy anh Đỗ Mạnh T1 yêu cầu đoàn tụ không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Tại các bản tự khai và tại phiên hòa giải anh Đỗ Mạnh T1 yêu cầu được nuôi con, được chị Triệu Thị T đồng ý, quá trình giải quyết vụ án cháu Đỗ Ngọc B có nguyện vọng được ở với bố. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, do vậy để đảm bảo điều kiện phát triển về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử giao cháu Đỗ Ngọc B cho anh Đỗ Mạnh T1 có

trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Triệu Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, xét thấy anh Đỗ Mạnh T1 yêu cầu chị Triệu Thị T cấp dưỡng nuôi con mức 2.000.000 đồng/1 tháng là quá cao, căn cứ bản sao kê tài khoản tiền lương của chị Triệu Thị T thấy mức thu nhập lương cơ bản bình quân hàng tháng là 6.000.000 đồng. Theo văn bản số: 252/UBND ngày 31/3/2021 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện V thì mức chu cấp cho cháu Đỗ Ngọc B mỗi tháng khoảng 3.000.000 đồng, chị Triệu Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mức 1.500.000 đồng/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi là hợp lý, tuy nhiên tại phiên tòa vắng mặt, do vậy xử buộc chị Triệu Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[4] Về nợ chung: Tại biên bản hòa giải ngày 04/5/2021 anh Đỗ Mạnh T1 tự nguyện chịu trách nhiệm trả hai món vay với tổng số tiền gốc 62.000.000 đồng tiền gốc và trả số tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V đến khi đáo hạn hợp đồng, được chị Triệu Thị T nhất trí, tuy nhiên tại phiên tòa các bên đương sự vắng mặt, do vậy xử buộc anh Đỗ Mạnh T1 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ nêu trên.

[5] Về tài sản chung Đương sự không yêu cầu do vậy không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Triệu Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 264; Điều 271; Điều 273; điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 25; Điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Triệu Thị T, xử cho chị Triệu Thị T được ly hôn anh Đỗ Mạnh T1.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Đỗ Ngọc B, sinh ngày 21/08/2012 cho anh Đỗ Mạnh T1 được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Triệu Thị T không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị Triệu Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh Đỗ Mạnh T1 với số tiền là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án. Trường hợp cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

2.3. Kể từ ngày tuyên án, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, bên phải thi án chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về nợ chung: Buộc anh Đỗ Mạnh T1 có trách nhiệm trả Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch Nhân hàng chính sách xã hội huyện V hai món vay, cụ thể: Mã món vay 660000071041168, số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất 0,55%/tháng (lãi suất 6,6%/năm); mã món vay 6600000710394567, số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất 0,75% (9%/năm), tổng cộng hai món vay tổng số tiền là 62.000.000 đồng (Sau mười hai triệu đồng chẵn). Thời hạn trả nợ gốc và lãi phát sinh được thực hiện theo Hợp đồng mã vay số 660000071041168 và số 6600000710394567.

4. Về án phí: Chị Triệu Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng định kỳ để sung Ngân sách Nhà nước. Chị Triệu Thị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2012/04038 ngày 19/3/2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nay chị Triệu Thị T phải nộp thêm 300.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm. Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Văn Quan, T. Lạng Sơn
- CCTHADS V, T. Lạng Sơn.
- UBND xã B, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn. (Nơi ĐKKH).
- Các đương sự (Theo địa chỉ);
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Mỹ Phước

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Tuyết

Nông Thị Mỹ Phước

Nguyễn Thị Hương